

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày: 20/03/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Đình Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Nhạn
2. Ông Phạm Văn Huy

- Thư ký phiên toà: Bà Bàn Thị Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Phạm Trọng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 3 năm 2025; đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Duy L; **Tên gọi khác:** không; **Giới tính:** Nam; **Sinh năm** 1980, tại, tỉnh Nam Định; **CCCD số** 036080010356

Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: TDP 15, thị trấn N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; **Nghề nghiệp:** Lao động tự do; **Trình độ văn hóa:** 12/12; **Dân tộc:** Kinh; **Tôn giáo:** Không; **Quốc tịch:** Việt Nam; Con ông Đặng Văn Th (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Ch; Vợ Trần Thị Th và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2012

Tiền sự; tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 28/6/2007, bị TAND Tối cao xét xử phúc thẩm tuyên phạt 06 năm tù về tội “Giết người” đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 25/02/2025 đến nay, có mặt tại phiên Tòa

2. Họ và tên Bùi Thế Nh: Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1967, tại, tỉnh Nam Định; CCCD số 036067007154

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Trung L, xã T, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đình M (đã chết) và con bà Đình Thị L; Vợ: Tạ Thị D và 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2006

Tiền sự; tiền án: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 25/02/2025 đến nay, có mặt tại phiên Tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đặng Đức L, sinh năm 1983, tại huyện Nam T, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thế Nh và Đặng Duy L quen biết và làm ăn với nhau lâu nay, khoảng tháng 5 tháng 6 năm 2023, Nh, L chung tiền mua máy mức NH COBECO-200K, với số tiền 1.100.000.000đ tại thành phố Biên Hòa để kinh doanh rồi đưa máy mức sang nước CHDCND Lào để cho thuê, khoảng tháng 6/2024, các bị cáo thống nhất bán lại chiếc máy mức trên cho một người tên Hạnh, quê ở Hà Tây cũ (nay là Hà Nội) đang làm ăn bên Lào với giá 800.000.000đ, Hạnh trả trước 100.000.000đ, số tiền còn lại Hạnh hẹn trong một tháng sẽ trả đủ, khi nào Hạnh trả đủ tiền thì các bị cáo giao giấy tờ máy mức, tuy nhiên đến hạn Hạnh không trả tiền, cũng không liên lạc được, nên ngày 01/11/2024, Nh rủ L sang Lào tìm Hạnh để lấy nợ, L đồng ý đi nhưng do thời điểm này L bận công việc nên mình Nh sang sang Lào trước, sang đến Lào, Nh tìm kiếm mãi đến ngày 01/12/2024 mới gặp Hạnh tại chợ Viêng Chăn (Lào) và hỏi nợ thì Hạnh không có tiền mặt để trả, Hạnh gọi điện cho một người đàn ông (Không rõ lai lịch) mang đến 03 (ba) miếng vàng, Hạnh đưa cho Nh và nói “ Đây là 03 miếng vàng khoảng hơn 8 cây, cầm lấy bán được rồi tính sau”, Do Nh đang giữ giấy tờ chiếc máy bán cho Hạnh nên tin tưởng số vàng Hạnh đưa là thật và Nh cầm 03 miếng vàng Hạnh đưa, đến ngày 03/12/2024, Nh gọi điện báo cho L biết đã lấy được

nợ, sau đó L rủ em trai là Đặng Đức L lái xe ô tô BKS 99C-154.19 (xe Lợi mượn của Đặng Đình Th, ở thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) sang Lào đón Nhân, ngày 05/12/2024, L, L sang đến Lào và gặp Nh tại Sầm Nưa (Lào), cùng ăn, nghỉ với nhau tại Sầm Nưa –Lào. Nh trao đổi riêng với L việc Hạnh đã trả tiền máy bằng 03 miếng vàng và Nh đang cầm, Nh và L thống nhất, Nh cầm 100.000.000đ tiền mặt Hạnh đưa Nh trước đó và 01 miếng vàng lớn nhất, L 02 miếng vàng nhỏ hơn, đến khoảng 14 giờ ngày 06/12/2024, L điều khiển xe ô tô BKS 99C-154.19 chở Nh và L về Việt Nam qua Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, trên đường về Nh, L, L có dừng xe bên đường đi vệ sinh, lúc này Nh lấy trong túi quần ra 02 miếng vàng nhỏ hơn đưa cho L và nói với L “em cầm lấy 02 miếng vàng, của ai người đó giữ) rồi Nh, L, L lên xe đi tiếp về cửa khẩu Quốc tế Na Mèo để nhập cảnh, trong quá trình làm thủ tục nhập cảnh Nh và L không khai báo về số vàng đang giữ trên người, lực lượng Đoàn cửa khẩu Quốc tế Na Mèo đã kiểm tra phát hiện, thu giữ 01 miếng vàng trong túi quần của bị cáo Nh đang mặc (ký hiệu số 01) và 02 miếng vàng trong túi quần L đang để sau tựa đầu xe ô tô (ký hiệu số 2 và 3), sau đó L cùng hai bị cáo và tang vật cùng phương tiện được đưa về Đoàn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Nam Mèo để làm việc

Ngày 12/12/2024 Đoàn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Nam Mèo – Bộ đội biên phòng tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “ Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Hình sự, sau đó vụ án được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn để điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số 503/KL-KTHS, ngày 09/12/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ công an, kết luận:

- 01 miếng kim loại màu vàng (ký hiệu 01) gửi giám định có khối lượng 158,95gam là hợp kim vàng (Au) hàm lượng trung bình Au 90,83%, Ag: 9,17%

- 01 miếng kim loại màu vàng (ký hiệu 02) gửi giám định có khối lượng 97,88 gam là hợp kim vàng (Au) hàm lượng trung bình Au 87,28%, Ag: 12,62%

- 01 miếng kim loại màu vàng (ký hiệu 03) gửi giám định có khối lượng 95,14gam là hợp kim vàng (Au) hàm lượng trung bình Au 90,70%, Ag: 9,30%

Tại bản kết luận định giá số 05/BB-HĐĐG ngày 11.12/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự UBND huyện Quan Sơn kết luận: Giá trị của 03 miếng vàng lần lượt là.

Miếng ký hiệu 01: Khối lượng 158,95gam x 90,83%, = 144, 374 gam Au, tương đương 3,84 lượng vàng (Au) x 82.000.000đồng/lượng = 314.880.000đồng

Miếng ký hiệu 02: Có khối lượng $97,88 \text{ gam} \times 87,38\% = 85,527 \text{ gam Au}$, tương đương $2,28 \text{ lượng vàng (Au)} \times 82.000.000\text{đồng/lượng} = 186.960.000\text{đồng}$

Miếng ký hiệu 03: Có khối lượng $95,14 \text{ gam} \times 90,70\% = 86,292 \text{ gam Au}$, tương đương $2,30 \text{ lượng vàng (Au)} \times 82.000.000\text{đồng/lượng} = 188.600.000\text{đồng}$

Tổng giá trị 03 miếng vàng là 690.440.000đ (Sáu trăm chín mươi triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

Vật chứng thu giữ và xử lý:

Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đặng Đức Lợi xe ô tô BKS 99C-154.19

03 miếng vàng, có tổng khối lượng 351.97 gam được bảo quản tại kho bạc Nhà nước huyện Quan Sơn, chờ xử lý.

02 hộ chiếu của bị các bị cáo, chuyển theo hồ sơ chờ xử lý

Cáo trạng số: 10/CT-VKSQS ngày 27/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo Đặng Duy L và Bùi Thế Nh về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại khoản 2 Điều 189 Bộ luật hình sự (BLHS). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2, Điều 189, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 35 BLHS đối với cả hai bị cáo, đề nghị xử phạt tiền bị cáo Nh từ 240.000.000đ đến 270.000.000đ, sung quỹ Nhà nước, xử phạt tiền bị cáo L từ 270.000.000đ đến 330.000.000đ, sung quỹ Nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung cho cả hai bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu 03 miếng vàng khối lượng 351,97 gam, tương đương với 8,42 lượng, sung quỹ Nhà nước

Trả lại cho các bị cáo 02 hộ chiếu vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về tài sản, đồ vật: Trong giai đoạn điều tra vụ án, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn trả lại cho anh Đặng Đức L chủ sở hữu hợp pháp 01 (một) xe ô tô BKS 99C-154.19. theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 01/04/2024, anh L không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Phần tranh luận: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không có tranh luận gì, lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự tố tụng vụ án: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận:

Bị cáo Bùi Thế Nh khai nhận:

Bị cáo và bị cáo L quen biết và làm ăn với nhau lâu nay, khoảng giữa năm 2023, các bị cáo chung tiền mua máy mức NH COBECO-200K, đưa sang nước CHDCND Lào để cho thuê, sau đó bán lại máy cho ông Hạnh, quê thành phố Hà Nội, đang làm ăn tại Lào với giá 800.000.000đ, Hạnh trả trước 100.000.000đ tiền mặt, còn lại Hạnh hẹn trong một tháng sẽ trả, đến hẹn Hạnh không trả, liên lạc không được, bị cáo rủ L sang Lào tìm Hạnh đòi nợ, bị cáo đi trước, sau nhiều ngày tìm kiếm đến ngày 01/12/2024, gặp Hạnh tại chợ Viêng Chăn (Lào) và yêu cầu Hạnh trả đủ số tiền còn nợ, Hạnh không có tiền mặt và gọi điện cho ai đó, lúc sau một người đàn ông mang đến 03 (ba) miếng vàng, Hạnh đưa cho bị cáo và nói, 03 miếng khoảng hơn 8 cây, cầm lấy bán được rồi tính sau, bị cáo tin là vàng thật nên nhận sau đó gọi điện báo cho L biết đã lấy được nợ, ngày 05/12/2024 L và em trai L là Lợi đi xe ô tô BKS 99C-154.19 sang Lào, gặp bị cáo tại Sầm Nưa (Lào). bị cáo nói riêng với L, đã lấy được nợ là 03 miếng vàng (01 miếng lớn và 02 miếng nhỏ) các bị cáo thống nhất chia, bị cáo giữ miếng lớn và số tiền 100.000.000đ trước đó, L 02 miếng nhỏ, sang ngày 06/12/2024, cả ba đi xe ô tô BKS 99C-154.19 do L điều khiển về Việt Nam qua Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo, trên đường về L dừng xe cả ba cùng đi vệ sinh, lúc

này bị cáo lấy trong túi quần ra 02 miếng vàng nhỏ hơn đưa cho L, sau đó cả ba lên xe đi tiếp về cửa khẩu Quốc tế Na Mèo để nhập cảnh, nhưng không khai báo nên bị Đồn biên phòng Na Mèo kiểm tra thu giữ người và tang vật.

Đặng Duy L thừa nhận: Lời khai của bị cáo Nh vừa trình bày là đúng sự việc. 03/12/2024 bị cáo Nh điện thoại cho bị cáo, báo đã lấy được nợ, bị cáo rủ em trai cùng đi ô tô sang Lào đón Nh, đến Viêng Chăn –Lào bị cáo và em trai gặp Nh, khi ăn cơm Nh có nói lấy nợ được ba miếng vàng, và thống nhất Nh cầm 01 miếng to hơn và số tiền 100.000.000đ trước đó, bị cáo 02 miếng, đến ngày 06/12/2024 cả ba đi xe ô tô của L về Việt Nam qua đường cửa khẩu Quốc tế Na Meo. Trên đường về khi dừng xe đi vệ sinh, Nh đưa cho bị cáo 02 miếng vàng, bị cáo cầm bỏ túi quần, do khi làm thủ tục nhập cảnh các bị cáo không khai báo số vàng nên bị kiểm tra bắt giữ, bị cáo thừa nhận 03 miếng vàng bị thu giữ là của bị cáo 2 miếng và của Nhân 01 miếng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định, kết luận định giá, phù hợp với nội dung Cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử (HĐXX) đủ căn cứ kết luận: Ngày 06/12/2024, các bị cáo Bùi Thế Nh và Đặng Duy L đã có hành vi vận chuyển trái phép 03 miếng vàng với khối lượng 351, 97 gam, tương đương với 8,42 lượng, từ Viêng Chăn - Lào về Việt Nam qua cửa khẩu Quốc tế Na Mèo. Hành vi của các bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Vận chuyển hàng hóa, tiền tệ qua biên giới” tội phạm được quy định tại khoản 2 Điều 189 Bộ luật hình sự, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Vụ án này có đông người tham gia, trong đó bị cáo Nh đã vận chuyển 01 miếng vàng khối lượng 158,95 gam, tương đương 3,84 lượng vàng, trị giá 314.188.000đ, còn bị cáo Lượng vận chuyển 02 miếng khối lượng 171,819gam, tương đương 4,58 lượng, trị giá 375.560.000đ, do đó mỗi bị cáo chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình, giá trị vật phạm pháp của mỗi bị cáo đều trên 300.000.000đ nhưng dưới 500.000.000đ nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 189 BLHS. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là trật tự quản lý xuất, nhập cảnh hàng hóa kim khi quý, gây lũng đoạn thị trường trong nước dẫn đến Nhà nước không quản lý được hàng hóa xuất nhập khẩu, gây thất thoát thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu hàng hóa. Các bị cáo đều là người đầy đủ năng lực hành vi và thường xuyên qua lại biên giới biết rõ việc

phải khai báo hải quan khi qua lại cửa khẩu, nhưng chỉ vì thiếu suy nghĩ và vì lợi ích cá nhân cho rằng đây là tiền bán máy móc cho Hạnh, được Hạnh trả bằng 03 miếng vàng, mà không làm rõ nguồn gốc, khi qua cửa khẩu không khai báo nhằm trốn tránh cơ quan chức năng, nên cần xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Nh lần đầu vi phạm pháp luật, tham gia tích cực các phong trào ở địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận, bị cáo L tham gia tích các phong trào do địa phương phát động như ủng hộ phòng chống dịch Covid, xây dựng nông thôn mới được địa phương xác nhận, có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bản thân đang trực tiếp nuôi dưỡng mẹ già và con nhỏ, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS nên được áp dụng cho hai bị cáo.

Nhân thân: Bị cáo Nh có nhân thân tốt, lần đầu vi phạm pháp luật, bị cáo L năm 2007 bị TAND Tối cao xử phúc thẩm phạt 06 năm tù về tội “Giết người” nhưng do cải tạo tốt nên năm 2009 được tha tù trước thời hạn, từ đó đến nay đã hơn 15 năm không vi phạm pháp luật lần nào, tham gia tích cực các phong trào địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy: Các bị cáo tuy có hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới nhưng mục đích vận chuyển không phải vì tư lợi, các bị cáo chỉ suy nghĩ đơn giản là tiền bán máy nên đã không khai báo khi qua cửa khẩu, giá trị hàng hóa vận chuyển đều mức trên đầu khung, đều có nơi cư trú rõ ràng, đều không có tiền án tiền sự, bị cáo Nh lần đầu vi phạm pháp luật, nghĩ không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, việc không cách ly các bị cáo khỏi xã hội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã thật sự thành khẩn, ăn năn hối cải và không làm ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều phạm tội vận chuyển hàng hóa tiền tệ qua biên giới nhưng không phải vận chuyển thuê hay mục đích kiếm lợi mà vận chuyển vàng là giá trị tài sản mà các bị cáo bán máy cho Hạnh, các bị

cáo đều lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo

[5] Về vật chứng:

Tịch thu 03 miếng vàng khối lượng 351,97 gam, tương đương với 8,42 lượng, sung quỹ Nhà nước. Vật chứng hiện đang tạm gửi tại kho bạc nhà nước huyện Quan Sơn tại biên bản giao nhận ngày 16/12/2024 nay là phòng giao dịch số 13, thuộc kho bạc Nhà nước khu vực X, Sau khi án có hiệu lực pháp luật, phòng giao dịch số 13, thuộc kho bạc Nhà nước khu vực X có trách nhiệm bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Sơn để sung quỹ Nhà nước

Trả lại cho các bị cáo 02 hộ chiếu vì không liên quan đến hành vi phạm tội

Đối với chiếc xe ô tô BKS 99C-154.19, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Lợi, quá trình giải quyết vụ án, anh L không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Đối với Đặng Đức Lợi em trai bị cáo Lượng, là người trực tiếp điều khiển xe ô tô BKS 99C-154.19 chở các bị cáo từ Lào về Việt Nam nhưng không biết trên người các bị cáo có cất trữ vàng, chỉ khi bị lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện lập biên bản mới biết được sự việc nên hành vi của Lợi không cấu thành tội phạm, do đó Cơ quan điều tra, truy tố không xử lý đối với Lợi là đúng.

Đối với người tên Hạnh là người đưa cho bị cáo Nhân 03 miếng vàng, khi ở bên nước CHDCND Lào, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác minh được nhân thân, lai lịch, nơi cư trú và nguồn gốc số vàng Hạnh đưa cho Nhân, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 189; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo .

Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Duy L và Bùi Thế Nh phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa tiền tệ qua biên giới”.

Xử phạt:

Bị cáo Đặng Duy L 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Bùi Thế Nh 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước

Miễn hình phạt bổ sung cho cả hai bị cáo

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu 03 miếng vàng khối lượng 351,97 gam, tương đương với 8,42 lượng, sung quỹ Nhà nước.(Vật chứng hiện đang tạm gửi tại kho bạc Nhà nước huyện Quan Sơn theo biên bản giao nhận ngày 16/12/2024 của kho bạc Nhà nước huyện Quan Sơn nay là phòng giao dịch số 13, thuộc kho bạc Nhà nước khu vực số X) Sau khi án có hiệu lực pháp luật, phòng giao dịch số 13, thuộc kho bạc Nhà nước khu vực số X có trách nhiệm bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Sơn để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại bản gốc 02 hộ chiếu cho các bị cáo

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200, án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Áp dụng 331, 333, 337 Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Các bị cáo;
- Công TTĐT-TAND;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Hợp